

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 12/2017
Và một số nhiệm vụ trọng tâm tháng 01/2018**

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 12

Tình hình thời tiết trong tháng tương đối thuận lợi cho cây trồng, vật nuôi phát triển, các loại dịch bệnh nguy hiểm không phát sinh, sản lượng thủy sản nuôi và khai thác đều đạt cao hơn cùng kỳ, nhất là sản lượng tôm nuôi; giá cá lóc, cá tra, gia cầm tăng trở lại, giá lúa, tôm duy trì ở mức cao; nông dân tập trung vệ sinh đồng ruộng chuẩn bị tốt cho vụ Đông Xuân 2018; công tác tư vấn, chuyên gia khoa học kỹ thuật tiếp tục được thực hiện; các công tác chuyên môn thực hiện đạt theo tiến độ. Tuy nhiên, giá dừa khô giảm mạnh, giá heo hơi vẫn ở mức thấp; triều cường dâng cao kết hợp sóng lớn làm sạt lở đê đê Cồn Bàn Chát, xã Hoà Tân, huyện Cầu Kè. Nhưng được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là nỗ lực vượt khó của nông dân nên tiếp tục đạt được kết quả khả quan:

1. Kết quả sản xuất và phòng, chống dịch bệnh:

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

Cây lúa: Thu hoạch 45.593 ha lúa Thu đông, nâng diện tích thu hoạch đến nay 52.293 ha, đạt 64,6% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 4,62 tấn/ha. Diện tích nhiễm sâu bệnh 663 ha, gồm đạo ôn lá 157 ha, tỉ lệ phổ biến 5-10%; rầy nâu 211 ha, mật số từ 750-1.500 con/m²; chuột gây hại 162 ha, tỉ lệ 2-5%; đạo ôn cổ bông 133 ha, tỉ lệ 2-5 %; còn lại là một số loại sâu bệnh khác, mức độ gây hại không đáng kể. Vụ Đông Xuân xuống giống 26.921 ha, đạt 44,8% kế hoạch; trong đó 02 mô hình cánh đồng lớn, diện tích 240 ha.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Vụ Đông Xuân 2018 đã gieo trồng 4.445 ha, đạt 8% kế hoạch, gồm: Màu lương thực 547 ha; màu thực phẩm 3.002 ha, cây công nghiệp ngắn ngày 727 ha và cây hàng năm khác 169 ha; Công ty TNHH hạt giống Vạn Phát xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ Ớt tại huyện Tiểu Cần, diện tích 14,75 ha, đã thu mua 30.838 kg, đồng thời tiếp tục xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ Ớt tại xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang, diện tích 15 ha.

Tổ chức 24 lớp tập huấn, hướng dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh kết hợp sử dụng thuốc BVTV an toàn trên lúa, Ớt, đậu phộng, cây có múi, dừa cho 924 lượt nông dân; triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình cùng nông dân bảo vệ môi trường có 72 nông dân tham gia; tổ chức hội thảo mô hình trình diễn lúa lai với 30 nông dân tham dự; tổng kết, đánh giá và cấp giấy chứng nhận cho 30 nông dân dự tập huấn sản xuất rau an toàn; phóng thích 18.000 con ong ký sinh, tổ

chức 02 chuyến khám bệnh lưu động trên cây trồng có 95 nông dân mang bệnh phẩm đến tư vấn. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 197 lớp tập huấn cho 6.105 lượt người; phóng thích 405.720 OKS phòng trừ bọ cánh cứng hại dừa; tổ chức 13 chuyến khám bệnh lưu động trên cây trồng có 523 nông dân đem bệnh phẩm đến tư vấn.

b) Chăn nuôi và thú y:

Trong tháng, giá gà thả vườn tăng từ 5.000 - 8.000 đồng/kg lên mức 75.000 - 80.000 đồng/kg, giá heo hơi vẫn còn ở mức thấp (từ 26.000 - 28.000 đồng/kg), người nuôi không có lãi, nên không tiếp tục tái đàn.

Tiêm phòng cúm 166.317 gia cầm, tiêm LMLM 2.537 gia súc, phòng các bệnh thường xuyên 80.430 gia súc, phòng đại chó, mèo 1.050 con và các bệnh khác 81.119 con; kiểm dịch 45.575 gia súc, 178.387 gia cầm và 399 tấn sản phẩm động vật. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay tiêm phòng cúm 2,89 triệu gia cầm, đạt 97% so diện tiêm; tiêm LMLM 33.721 gia súc (bò 31.334 con, đạt 31,4%), tiêm phòng các bệnh thường xuyên 950.206 gia súc (dịch tả 314.397 con, đạt 87,3%, tụ huyết trùng 317.507 con, đạt 88,2%, phó thương hàn 318.302 con, đạt 88,4%); phòng đại chó, mèo 10.102 con và các bệnh khác 1,408 triệu con; kiểm dịch 458.843 gia súc; 4,7 triệu gia cầm và 1.000 tấn sản phẩm; sử dụng 8.763 lít hóa chất phun xịt trên 15 triệu m² chuồng trại của 269.825 lượt hộ chăn nuôi.

c) Lâm nghiệp:

Thực hiện 110 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản; cấp 08 giấy phép gây nuôi động vật hoang dã: 14 con Hươu sao, 15 con Nai, 13 con Cây Vòi hương, 10 con Ba ba Nam bộ(Cua Đỉnh); xác nhận xuất bán động vật hoang dã gồm 1.000 con Tắc Kè và cấp 01 giấy phép vận chuyển đặc biệt gồm 10 con Cá Sấu nước ngọt. Nâng tổng số đến nay thực hiện 1.030 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 04 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định; cấp 20 giấy chứng nhận nuôi động vật hoang dã; xác nhận xuất bán động vật hoang dã gồm 1.000 con Tắc Kè và cấp 01 giấy phép vận chuyển đặc biệt gồm 10 con Cá Sấu nước ngọt; tổ chức 22 cuộc tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản cho 660 lượt hộ sống tiếp giáp với rừng; tận thu 1.198 m³ gỗ thiệt hại do nấm bệnh và thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp.

d) Thủy sản: Thu được 15.256 tấn, nâng tổng sản lượng từ đầu năm đến nay 191.270 tấn, tăng 19.827 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 773 ha, thu hoạch 10.151 tấn, nâng diện tích đã thả nuôi 54.177 ha, thu hoạch 116.489 tấn, cao hơn cùng kỳ 13.389 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ thả nuôi 497 ha (186 triệu con giống), thu hoạch 4.138 tấn. Nâng tổng số đã thả nuôi 50.404 ha (5,52 tỷ con giống), gồm: Tôm sú 24.402 ha (1,79 tỷ con giống), tôm chân trắng 6.443 ha (3,62 tỷ con giống), cua biển 18.890 ha (113 triệu con giống); thu hoạch 52.431 tấn (cao hơn cùng kỳ 6.224 tấn), gồm: Tôm sú 12.846 tấn (tăng 110 tấn), tôm chân trắng 30.246 tấn (tăng 6.471 tấn), cua biển 6.999 tấn (giảm 124 tấn), còn lại là các loại khác.

+ Vùng nước ngọt thả nuôi 276 ha (12,9 triệu con giống), thu hoạch 6.013 tấn, nâng đến nay thả nuôi 3.774 ha (239 triệu con giống), gồm: Cá lóc 286 ha, tôm càng xanh 1.112 ha, còn lại là cá các loại; thu hoạch 64.058 tấn (cao hơn cùng kỳ 7.165 tấn), gồm: Cá lóc 28.473 tấn (giảm 1.587 tấn), cá tra 17.230 tấn (tăng 7.075 tấn), tôm càng xanh 1.318 tấn (tăng 824 tấn), còn lại là các loại khác.

Tăng cường cán bộ kỹ thuật xuống địa phương tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm và giám sát dịch bệnh nhằm chủ động phòng, chống; kiểm dịch 108 triệu con tôm giống; thực hiện 02 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay đã kiểm dịch 853 triệu con tôm giống; thực hiện 83 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 190 mẫu giáp xác (89 mẫu tôm) phân tích phục vụ nuôi thủy sản, kết quả 21 mẫu nhiễm đốm trắng, 15 mẫu nhiễm vi khuẩn gây bệnh hoại tử gan tụy cấp.

- Khai thác thủy, hải sản: Thu được 5.105 tấn (1.256 tấn tôm), nâng sản lượng khai thác lên 74.781 tấn (11.837 tấn tôm), tăng 6.439 tấn so cùng kỳ, gồm: Khai thác nội đồng 12.040 tấn (3.590 tấn tôm), khai thác biển 62.740 tấn (8.247 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.062 tấn (tôm sú 65 tấn, tôm thẻ 677 tấn), chế biến 611 tấn, tiêu thụ 446 tấn, kim ngạch xuất khẩu 3,2 triệu USD. Nâng tổng số các doanh nghiệp thu mua 15.194 tấn (tôm sú 1.344 tấn, tôm thẻ 8.074 tấn), chế biến 8.686 tấn, tiêu thụ 6.910 tấn, kim ngạch xuất khẩu 46 triệu USD.

2. Phát triển nông thôn:

a) Công tác xây dựng nông thôn mới:

- Các địa phương lồng ghép tuyên truyền cho 15.637 lượt người về tiêu chí nông thôn mới, tiêu chuẩn hộ nông thôn mới, vận động người dân trồng cây xanh làm hàng rào, cột cờ kết hợp đèn chiếu sáng. Nâng tổng số tuyên truyền cho 113.035 lượt người, công nhận 206 ấp nông thôn mới, chiếm 30,2% (giảm 8 ấp); 133.062 hộ, chiếm 59,6% số hộ phát động (giảm 5.305 hộ). Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí có 24 xã đạt 19/19 tiêu chí, 4 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí, 26 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, 31 xã dưới 10 tiêu chí.

- Tham mưu trình UBND tỉnh điều chỉnh một số chỉ tiêu trong nội dung tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa, nông thôn mới” tại Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 28/4/2017.

- Kết quả giải ngân vốn đầu tư: Các địa phương triển khai thực hiện đầu tư các công trình xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất đã giải ngân 115,6 tỷ đồng, đạt 61,8% với kế hoạch vốn phân bổ.

b) Ngành nghề nông thôn: Tổng hợp ý kiến đóng góp của các Sở, ngành, địa phương dự thảo Đề án Phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2030; hoàn thành báo cáo và trình xin phê duyệt Đề án “Phát triển Mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 – 2020 và định hướng đến năm 2030; đang triển khai tổ chức thực hiện 01 dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn năm 2017 tổng mức đầu tư là 01 tỷ đồng, tiến độ đến nay đã hỗ trợ 07 máy se lõi lác, 01 máy chế nang tre, 05 máy dệt chiếu cho 12 hộ với tổng số tiền 116,7 triệu đồng đạt 11,67%.

c) Chương trình bố trí dân cư:

Tiếp tục theo dõi tiến độ thi công Kè chống sạt lở bảo vệ khu vực thị trấn Tiểu Cần; di dân sạt lở ấp Cồn Phụng và nghiệm thu theo tiến độ, giải ngân 22 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

Tiến hành cấp tiền hỗ trợ cho 63 hộ dân di dời vào khu tái định cư ở 02 xã Trường Long Hoà và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải; lập hồ sơ di dời khẩn cấp 11 hộ dân trong khu vực sạt lở nguy hiểm thuộc ấp Vàm Bến Tranh, xã Định An, huyện Trà Cú.

d) Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục triển khai thực hiện 01 dự án mở rộng tuyến ống cấp nước trạm cấp nước xã Nhị Long. Trong tháng, đã lắp đặt cho 1.079 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 105.798 hộ.

e) Kinh tế tập thể: Thành lập mới 01 HTX, lũy kế đến nay có 65 HTX nông nghiệp; hoàn chỉnh ban hành 01 Kế hoạch xây dựng mô hình HTX kiểu mới, lũy kế đến nay đã ban hành 12/13 Kế hoạch xây dựng mô hình HTX kiểu mới giai đoạn 2017 – 2020.

3. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quy hoạch:

Trình UBND tỉnh: Xin phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập quy hoạch khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; quy hoạch vùng sản xuất lúa hữu cơ tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía, quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi các khu vực phát triển chăn nuôi tập trung và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ tỉnh Trà Vinh đến 2020 tầm nhìn 2030.

b) Tham mưu xây dựng, ban hành văn bản:

Xây dựng dự thảo trình UBND tỉnh Quyết định phê duyệt dự toán trồng rừng và chăm sóc rừng giai đoạn 2017-2020 thuộc Dự án đầu tư trồng rừng phòng hộ tại tỉnh Trà Vinh và

Xây dựng hoàn thành báo cáo và tờ trình xin phê duyệt Đề án “Phát triển Môi xã, phường, thị trấn một sản phẩm tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 – 2020 và định hướng đến năm 2030.

c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

Các địa phương tổ chức nạo vét 676 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 458.404 m, khối lượng trên 1,51 triệu m³, vượt 25,3%.

Kiểm tra việc nạo vét sông Láng Cháo huyện Duyên Hải và khảo sát tình hình sạt lở khu vực đê Cồn Bần Chát, xã Hoà Tân, huyện Cầu Kè.

Xử lý sụp lún, hư hỏng 60 vị trí mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh; chuẩn bị duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2018.

Tổ chức 16 đợt kiểm tra đê điều, kết quả không có trường hợp vi phạm, nâng tổng số đến nay tổ chức 185 đợt kiểm tra, phát hiện xử lý 23 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

Tổ chức trực ban phòng, chống thiên tai và báo cáo theo quy định, tham mưu Thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai trình Sở Tài chính hỗ trợ kinh phí từ Quỹ phòng, chống thiên tai cho UBND huyện Càng Long gia cố đê bao, mặt đập ven sông Cổ Chiên, tổng kinh phí 480 triệu đồng.

Triều cường dâng cao làm sụp lún: Kè Hiệp Thạnh, diện tích 60m², sâu 0,5m (cách khóa đầu kè giai đoạn II hướng về bãi rác khoảng 100m); sạt lở 05m bờ bao địa phương đã gia cố; nước biển tràn qua kè Cồn Trứng gây ứ đọng dưới chân kè 0,5m làm ảnh hưởng 0,5 ha hành tím.

d) Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi tiến độ thực hiện 19 dự án (02 dự án khởi công mới, 14 dự án chuyển tiếp, 03 dự án hoàn thành), gồm: 05 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 03 công trình phục vụ trồng trọt; 04 công trình đê, kè; 07 công trình dân dụng, ước giải ngân đến cuối tháng 12 năm 2017 là: 250,6 tỷ đồng, đạt 79,26% kế hoạch.

f) Công tác quản lý nhà nước chuyên ngành:

Tổ chức đoàn kiểm tra chuyên ngành ATTP trên địa bàn huyện Châu Thành, thị xã Duyên Hải (đột xuất) tại 03 cơ sở kinh doanh thịt bò. Kết quả 03 cơ sở đều có vi phạm chủ yếu: Cơ sở không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, cơ sở không có giấy xác nhận đủ sức khỏe và giấy tập huấn kiến thức ATTP Đoàn đã lập biên bản cam kết khắc phục trong 30 ngày; tổ chức kiểm tra, đánh giá, phân loại 54 cơ sở sản xuất kinh doanh nông, thủy sản trên địa bàn tỉnh (trong đó có 01 cơ sở ngưng hoạt động). Kết quả xếp loại: 33A, 21B; cấp 09 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP và 67 giấy xác nhận kiến thức ATTP cho cơ sở sản xuất, kinh doanh nông thủy sản. Nâng tổng số đến nay thanh, kiểm tra liên ngành về ATTP tại 146 cơ sở, kết quả 119 cơ sở vi phạm về thủ tục hành chính và buộc hủy tại chỗ gần 03 tấn mì gói, bánh kẹo các loại, 6,26 lít nước ngọt, sữa và 27 kg chả cá chứa hàn the; kiểm tra, đánh giá, phân loại về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm 448 lượt cơ sở sản xuất kinh doanh nông, thủy sản trên địa bàn tỉnh, kết quả xếp loại 268A, 117B; cấp 147 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản và 260 giấy xác nhận kiến thức ATTP và 18 giấy xuất xứ nghề.

Thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật 28 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 12 tàu, đăng ký 18 tàu, cấp 24 sổ danh bạ (101 thuyền viên); cấp 37 giấy phép khai thác thủy sản; cấp 05 giấy phép chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 520 tàu, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 155 tàu, đăng ký 194 tàu, cấp 210 sổ danh bạ (994 thuyền viên), cấp 453 giấy phép khai thác thủy sản, 12 giấy chứng nhận ATTP; cấp 105 giấy phép chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu; toàn tỉnh có 1.192 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 132.640 CV (287 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.716 lượt tàu, xe, bốc dỡ 2.672 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 126 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay thu tiền dịch vụ sử dụng cảng 20.146 lượt tàu, xe, bốc dỡ 29.278 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 1,46 tỷ đồng.

Đoàn thanh tra chuyên ngành tổ chức 05 cuộc thanh tra về an toàn thực phẩm, vật tư nông nghiệp đối với 19 cá nhân, tổ chức; lấy 15 mẫu thịt heo, thuốc

BVTV, phân bón để kiểm tra chất lượng; phát hiện 17 trường hợp vi phạm và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nâng tổng số tổ chức 91 cuộc thanh tra chuyên ngành đối với 2.292 cá nhân, tổ chức; lấy 224 mẫu vật tư nông nghiệp, nông sản, thủy sản, thực phẩm, sản phẩm động vật để kiểm tra chất lượng; ban hành 182 quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

g) Công tác khuyến nông và công tác giống:

Nghiệm thu kết thúc 02 mô hình nhân giống lúa OM (5451, 9921), qui mô 08 ha, kết quả giống lúa OM 5451 năng suất trung bình đạt 5 tấn/ha, giống OM 9921 năng suất trung bình đạt 4,75 tấn/ha. Cung ứng 16 tấn lúa giống, 207 cây giống, 5,4 triệu con giống tôm, 900 ngàn con cua biển giống, 410 ngàn con cá lóc giống. Nâng tổng số đến nay đã điều tiết, cung ứng 92,5 tấn lúa giống, 11.947 cây giống, 32 triệu con tôm giống, 2,5 triệu con cua biển, 16,3 triệu con cá lóc giống.

h) Về tình hình hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp 2017:
Các đơn vị được phân công hỗ trợ đang hoàn chỉnh kế hoạch hỗ trợ để triển khai thực hiện các công việc như sau:

Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản tổ chức tập huấn kiến thức quản lý an toàn thực phẩm cho 44 cán bộ xã; phối hợp tập huấn đeo vòng nhận diện theo Đề án nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo cho các hộ tham gia; thành lập HTX trồng rau màu an toàn Tân Bình.

Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp với Liên Minh Hợp tác xã tổ chức tập huấn về luật HTX, xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh 3 xã: Ngã Xuyên, Định An, Phước Hưng, huyện Trà Cú cho 90 người tham dự; đã tiêm phòng LMLM cho 1.797 gia súc, đạt 53% tổng đàn; vận động chuyển 19,7 ha nuôi cá lóc kém hiệu quả sang nuôi tôm thẻ chân trắng, chuyển đổi 27,85 ha vườn nhãn kém hiệu quả sang trồng bưởi da xanh.

Chi cục Thủy sản đã tổ chức 04 cuộc tuyên truyền phổ biến pháp luật nuôi trồng thủy sản, cho 125 lượt; tổ chức 08 lớp tập huấn kỹ thuật cho 223 lượt hộ (05 lớp VietGAP cho 140 hộ, 03 lớp chăn nuôi cho 83 hộ). Thực hiện 02 mô hình nuôi tôm càng xanh toàn đực, diện tích 0,8 ha, đã thả giống được 110 ngày, phát triển bình thường. Xây dựng một pano tuyên truyền quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Chi cục Trồng trọt và BVTV tư vấn, hướng dẫn nông dân tăng cường sử dụng phân hữu cơ cho cây cam sành, nhằm hạn chế dịch bệnh và kéo dài tuổi thọ; thả 5.000 con ong mắt đỏ để phòng trừ sâu đục trái bưởi.

Trung tâm Khuyến nông tổ chức 01 lớp tập huấn kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng cho 30 nông dân; xây dựng mô hình luân canh tôm – lúa, diện tích 01 ha, thả nuôi 400 ngàn con tôm thẻ chân trắng, đã thu hoạch, lợi nhuận 117,5 triệu đồng. Vận động nông dân chuyển đổi từ sản xuất 2 vụ lúa sang 1 vụ lúa và 1 vụ thủy sản.

Chi cục Kiểm lâm kết hợp huyện tổ chức 13 cuộc tập huấn kỹ thuật cho 330 lượt người; vận động chuyển đổi hình thức nuôi tôm quảng canh cải tiến sang nuôi tôm thâm canh; thực hiện 05 mô hình nuôi vịt biển số lượng 4.000 con. Phát quà hỗ trợ gia đình chính sách, hỗ trợ học sinh đầu năm học 1,6 triệu đồng.

Chi cục Phát triển nông thôn kết hợp Công ty lương thực Trà Vinh hợp đồng tiêu thụ 186 ha lúa, thu mua 454 tấn; hỗ trợ HTX Phú Cần liên kết sản xuất, tiêu thụ 500 ha lúa hữu cơ; tập huấn củng cố tổ hợp tác cho 45 hộ dân với doanh nghiệp.

Trung tâm Giống tổ chức 02 lớp tập huấn kỹ thuật ương, thuần dưỡng giống tôm sú, tôm thẻ, cua biển cho 60 lượt người.

Phòng Chính sách và Thông tin kết lựa chọn mô hình, xây dựng kế hoạch hỗ trợ tái cơ cấu; hỗ trợ tìm đầu mối tiêu thụ rau màu, gà, heo tuy nhiên địa phương không đáp ứng được yêu cầu của đối tác.

3. Tồn tại, hạn chế:

Giá vật tư đầu vào tăng cao, khó kiểm soát trong khi giá cả đầu ra một số sản phẩm chăn nuôi như heo hơi, vịt hơi ở mức thấp gây khó khăn cho người nuôi và việc định hướng đầu tư tái đàn.

Tình trạng vi phạm hành lang bảo vệ đê và Luật đê điều vẫn còn xảy ra; Triều cường dâng cao làm sạt lở đê ở Cầu Bàn Chát, xã Hoà Tân, huyện Cầu Kè.

Công tác quản lý nhà nước về giống, vật tư đầu vào cho sản xuất gặp nhiều khó khăn; tình trạng vi phạm về an toàn vệ sinh thực phẩm còn xảy ra, các cơ sở chưa thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn thực phẩm.

Tình hình thu mua lúa ở cánh đồng lớn không thuận lợi do Công ty lương thực Trà Vinh hủy hợp đồng với dân trong khâu tiêu thụ.

Công tác phối hợp, trao đổi thông tin, thỉnh thị ý kiến, báo cáo trong ngành chưa được thực hiện tốt, thiếu kịp thời.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 01/2018

1. Sản xuất và phòng chống dịch bệnh:

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

Hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích lúa còn lại trên đồng, tuyên truyền, vận động nông dân thường xuyên thăm đồng để phát hiện và phòng trị các loại sâu bệnh, đặc biệt là bệnh đạo ôn, rầy nâu,...; hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng xuống giống lúa vụ Đông Xuân kết thúc theo lịch thời vụ.

Hướng dẫn nông dân chăm sóc, phòng trị sâu bệnh gây hại trên các loại cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác; triển khai kế hoạch trồng màu vụ Đông Xuân năm 2018 đặc biệt là diện tích màu phục vụ Tết Nguyên đán; khuyến cáo người dân trồng màu trên diện tích đất trồng lúa ở những nơi có điều kiện.

Theo dõi chặt chẽ các điểm dự tính dự báo trên các loại cây trồng để thông báo và hướng dẫn nông dân phòng trị; tổ chức điều tra cơ cấu giống lúa vụ Đông Xuân. Tổ chức tập huấn phòng, trừ sâu bệnh và thực hiện kế hoạch cùng nông dân bảo vệ môi trường.

b) Chăn nuôi và thú y:

Tăng cường hơn nữa công tác giám sát phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật xuất nhập tỉnh, nhất là vào thời điểm giao mùa và thời điểm cuối năm; phối hợp địa phương vận động hộ chăn nuôi ký cam kết tiêm vắc xin phòng bệnh cho đàn

vật nuôi; rà soát tình hình chăn nuôi tại địa phương đặc biệt là những vùng chăn nuôi tập trung, triển khai hướng dẫn, đánh giá tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; kết hợp hỗ trợ địa phương thực hiện Quyết định 50. Tiếp tục tổng hợp danh sách hộ chăn nuôi tham gia Đề án nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo.

c) Lâm nghiệp: Chuẩn bị công tác phòng chống cháy rừng mùa khô năm 2017 – 2018; tuyên truyền công tác bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản; tiếp tục phối hợp với phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh kiểm tra, quản lý việc khai thác, mua bán, vận chuyển động vật hoang dã và các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện: Trồng mới 30 ha rừng phòng hộ và trồng cây lâm nghiệp phân tán với 50.000 cây Dầu con rái.

d) Thủy sản: Kết hợp các địa phương theo dõi tình hình thu hoạch các loại thủy sản thả nuôi, nhất là tôm sú, tôm thẻ, cá lóc, cá tra; hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích thả nuôi còn lại của năm 2017; quản lý chặt chẽ tình hình vận chuyển giống tôm sú, tôm thẻ, kinh doanh thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản; tăng cường cán bộ kỹ thuật hỗ trợ các địa phương hướng dẫn kỹ thuật nuôi ngay từ đầu vụ để phục vụ tốt cho vụ nuôi năm 2017-2017. Kiểm tra điều kiện VSATTP đối với tàu cá, các cơ sở thu mua, sơ chế, bảo quản nguyên liệu thủy sản; tổ chức các cuộc tuyên truyền về Luật thủy sản, khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thực hiện thu mẫu giám sát tại các tuyến sông đầu nguồn phục vụ nuôi thủy sản; hướng dẫn ngư dân trang bị đầy đủ các phương tiện cho tàu khai thác trước khi ra khơi.

2. Phát triển nông thôn:

Phối hợp với các Sở, ban ngành tỉnh thẩm định các tiêu chí nông thôn mới xã Long Toàn, thị xã Duyên Hải làm cơ sở trình công nhận; tiếp tục triển khai thực hiện các công trình đầu tư xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất, phân đấu giải ngân hết nguồn vốn được phân bổ; tăng cường công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới; phối hợp với các Sở, ban, ngành báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT; kết hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục theo dõi tiến độ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn năm 2017, các dự án thuộc chương trình bố trí dân cư; kết hợp địa phương kiểm tra tiến độ xây nhà của 63 hộ dân và chi hỗ trợ theo qui định; theo dõi tình hình sản xuất và tiêu thụ muối trên địa bàn 02 xã Dân Thành thị xã Duyên Hải và xã Đông Hải, huyện Duyên Hải và báo cáo định kỳ về Bộ Nông nghiệp và PTNT. Duy trì hoạt động 163 trạm cấp nước hiện có; triển khai lắp đặt 1.000 đồng hồ nước cho hộ dân nông thôn; tiếp tục triển khai thực hiện các dự án mở rộng tuyến ống cấp nước xã Nhị Long, huyện Càng Long.

3. Công tác chuyên ngành:

Trình thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu 02 dự án quy hoạch: Khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và lúa hữu cơ.

Tổ chức Hội thảo mô hình Khuyến nông hiệu quả và báo cáo kết quả mô hình khuyến nông trọng điểm và tổng kết các mô hình về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản đang thực hiện; tiếp tục phân công cán bộ tư vấn kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển và tư vấn kỹ thuật theo nhu cầu của địa phương; tiếp tục theo dõi, hướng dẫn thực hiện các mô hình đang thực hiện; triển khai Dự án Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao tại Trà Vinh.

Tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản đã đăng ký; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; thu mẫu dư lượng, kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch ngẫu nhiên, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông, thủy sản; thu mẫu giám sát chuỗi an toàn thực phẩm; tổ chức thanh tra chuyên ngành đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết cung ứng giống thủy sản; chuẩn bị cung ứng 250 nhánh bưởi theo đơn đặt hàng; tiếp tục chăm sóc và thả giống đợt 2 mô hình “Chăn nuôi gà tàu vàng thả vườn sinh sản”, mô hình “Trồng bưởi da xanh (S1) tạo nguồn cây đầu dòng”.

Tổ chức trực phòng chống thiên tai và theo dõi tình hình thời tiết để tham mưu, xử lý kịp thời; xây dựng kế hoạch phòng, chống hạn mặn và dự toán thực hiện xử lý, cải thiện môi trường nông thôn năm 2018; kiểm tra, đánh giá, phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh; theo dõi, đôn đốc các địa phương chuẩn bị triển khai thực hiện thủy lợi nội đồng năm 2018; tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án Rà soát, bổ sung quy hoạch thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu tiền cung cấp dịch vụ đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

4. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị, phòng thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng kinh tế thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hải

**BÁO CÁO THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, THỦY SẢN
THÁNG 12 NĂM 2017**

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2018	Thực hiện tháng 12	Ước TH 12 tháng năm 2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2	4	5	6=5/1	7=5/2
I.	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	92.933	191.400	31.366	112.265	120,80	58,65
	Cây lương thực có hạt	Ha	88.801	141.000	33.156	166.493	187,49	118,08
1.1	Cây lúa	Ha	88.370	136.000	26.921	107.820	122,01	79,28
	Vụ mùa							
	- DT gieo sạ	Ha	2.367	1.650		1.697	71,71	102,86
	- Diện tích thu hoạch	Ha		1.650				
	- Năng suất	Tạ/ha		42,42				
	- Sản lượng	tấn		7.000				
	Vụ Đông xuân							
	- DT gieo sạ	Ha	26.683	60.000	26.921	26.921	100,89	44,87
	- Diện tích thu hoạch							
	- Năng suất	Tạ/ha						
	- Sản lượng	tấn						
	Vụ Thu Đông							
	- Diện tích xuống giống	Ha	61.687	76.000		80.899	131,14	106,45
	- Diện tích thu hoạch	Ha	14.367	76.000	45.593	52.293	363,99	68,81
	- Năng suất	Tạ/ha	50,58	52,50	46,5	46,24	91,42	88,08
	- Sản lượng	tấn	726.670	399.000	211.998	241.781	33,27	60,60
1.2	Cây màu							
1.2.1	DT gieo trồng	Ha	4.563	55.400	4.445	4.445	97,41	8,02
	DT thu hoạch	Ha	51.544	55.400	7.150	52.052	100,98	93,96
	Sản lượng	Tấn	1.314.598	1.421.700	144.321	1.325.958	100,86	93,27
	Màu lương thực							
	DT gieo trồng	Ha	577	7.750	547	547	94,82	7,06
	DT thu hoạch	Ha	6.806	7.750	723	6.637	97,52	85,64
	Sản lượng	Tấn	58.844	66.100	6.235	58.673	99,71	88,76
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	431	5.000	413	413	95,80	8,25
	- Diện tích thu hoạch	"	4.274	5.000	461	4.171,20	97,59	83,42
	- Năng suất	Tạ/ha	52,71	54,00	36,77	53,25	101,02	98,61
	- Sản lượng	Tấn	22.529	27.000	1.696	22.212	98,59	82,27
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	55	1.200	50,2	50,2	91,02	4,18
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.220	1.200	98	1.173	96,15	97,75
	+ Năng suất	Tạ/ha	155,84	158,33	151,20	161,82	103,83	102,20
	+ Sản lượng	Tấn	19.013	19.000	1.482	18.981,0	99,83	99,90
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	50	950	49,6	49,6	100,00	5,22
	+ Diện tích thu hoạch	"	880	950	93	822	93,41	86,53
	+ Năng suất	Tạ/ha	154,89	157,89	263,87	163,94	105,85	103,83
	+ Sản lượng	Tấn	13.630	15.000	2.454	13.476	98,87	89,84
1.2.2	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	41,43	600	34,60	34,6	83,51	5,77
	+ Diện tích thu hoạch	"	432,00	600	71,00	471	109,03	78,50
1.2.3	Cây thực phẩm							
	DT gieo trồng	Ha	3.118	30.750	3.002,1	3.002	96,29	9,76

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2018	Thực hiện tháng 12	Ước TH 12 tháng năm 2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	<i>DT thu hoạch</i>	<i>Ha</i>	<i>28.574</i>	<i>30.750</i>	<i>4.087</i>	<i>27.786</i>	<i>97,24</i>	<i>90,36</i>
	<i>Sản lượng</i>	<i>Tấn</i>	<i>617.368</i>	<i>685.300</i>	<i>86.230</i>	<i>638.216</i>	<i>103,38</i>	<i>93,13</i>
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	3.091	30.000	2.971	2.971	96,14	9,90
	+ Diện tích thu hoạch	"	27.906	30.000	4.042	27.192	97,44	90,64
	+ Năng suất	Tạ/ha	220,81	228,00	213,14	234,30	106,11	102,77
	+ Sản lượng	Tấn	616.188	684.000	86.153	637.123	103,40	93,15
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	27	750	31	31	113,73	4,12
	+ Diện tích thu hoạch	"	668	750	45	594	88,92	79,20
	+ Năng suất	Tạ/ha	17,66	1,73	1,71	1,84	10,42	106,16
	+ Sản lượng	Tấn	1.180	1.300	77	1.093	92,63	84,08
1.2.4	Cây công nghiệp hàng năm							
	<i>DT gieo trồng</i>	<i>Ha</i>	<i>723</i>	<i>13.300</i>	<i>727</i>	<i>727</i>	<i>100,59</i>	<i>5,47</i>
	<i>DT thu hoạch</i>	<i>Ha</i>	<i>12.393</i>	<i>13.300</i>	<i>1.250</i>	<i>12.239</i>	<i>98,76</i>	<i>92,02</i>
	<i>Sản lượng</i>	<i>Tấn</i>	<i>638.386</i>	<i>670.300</i>	<i>51.856</i>	<i>629.069</i>	<i>98,54</i>	<i>93,85</i>
	Đậu phộng							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	481	5.200	513	513	106,73	9,86
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.420	5.200	144,11	4.334	98,06	83,35
	+ Năng suất	Tạ/ha	51,09	51,54	42,30	49,58	97,05	96,21
	+ Sản lượng	Tấn	22.581	26.800	610	21.490	95,17	80,19
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	29	5.600	26,5	26,5	92,32	0,47
	+ Diện tích thu hoạch	"	5.609	5.600	522,12	5.521	98,43	98,59
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.053	1.100	855	1.053	100,03	95,75
	+ Sản lượng	Tấn	590.607	616.000	44.630	581.523	98,46	94,40
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	213	2.500	187,6	187,6	87,89	7,50
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.364	2.500	584,0	2.384	100,85	95,36
	+ Năng suất	Tạ/ha	106,59	112,20	115,55	111,48	104,59	99,36
	+ Sản lượng	Tấn	25.198	27.500	6.616	26.056	103,41	94,75
1.2.5	Cây trồng khác	Ha	146	3.600	169	169	115,86	4,71
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	146	3.600	169	169	115,86	4,71
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.771	3.600	1.089	5.389	142,91	149,69
II	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	43.771	43.000	773	54.177	123,77	125,99
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	3.578	3.500	276	3.774	105,48	107,82
	- Diện tích nuôi cá	"	2.622,75	2.400	268	2.661,95	101,49	110,91
	Trong đó: Cá tra	"	40,84	70	3	38	92,19	53,79
	Cá lóc	"	313,02	300	10	286	91,21	95,17
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	955	1.100	8	1.112	116,42	101,06
	Trong đó: tôm càng xanh	"	955	1.100	8	1.112	116,42	101,06
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	40.193	39.500	497	50.404	125,40	127,60
	- Diện tích nuôi cá							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	39.868	38.500	497	49.736	124,75	129,18
	Trong đó: + Tôm sú	"	18.889	18.000	291	24.402	129,18	135,57
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	6.560	6.000	206	6.443	98,22	107,39
	+ Cua biển	"	14.419	14.500	-	18.890	131,01	130,28
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"	325	1.000	-	668	205,54	66,80
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	171.443	169.700	15.256	191.270	111,56	112,71

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2018	Thực hiện tháng 12	Ước TH 12 tháng năm 2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	103.100	101.300	10.151	116.489	112,99	114,99
2.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	56.893	53.900	6.013	64.058	112,59	118,85
	- Sản lượng cá	"	56.398,92	53.200	5.400	62.740,41	111,24	117,93
	Trong đó: Cá tra	"	10.155	10.000	321	17.230	169,67	172,30
	Cá lóc	"	30.060,1	26.500	3.281	28.473,3	94,72	107,45
	- Sản lượng giáp xác	"	494,4	700	613	1.317,7	266,51	188,24
	Trong đó: tôm càng xanh	"	494,4	700	613	1.317,7	266,51	188,24
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
2.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	46.207	47.400	4.138	52.431	113,47	110,61
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	43.634,8	44.700	3.831,6	50.091,7	114,80	112,06
	Trong đó: + Tôm sú	"	12.735,9	11.700	1.338	12.845,7	100,86	109,79
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	23.775,4	25.000	1.293,26	30.246,5	127,22	120,99
	+ Nuôi cua biển	"	7.123,4	8.000	1.200	6.999,6	98,26	87,49
	- Sản lượng thủy sản khác	"	2.572,32	2.700	307	2.339,39	90,94	86,64
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	68.342	68.400	5.105	74.781	109,42	109,33
2.2.1	Khai thác biển	Tấn	57.061	55.700	3.880	62.740	109,95	112,64
	Trong đó: - Cá các loại	Tấn	23.744	22.500	1.953	26.042	109,68	115,74
	- Tôm các loại	Tấn	7.862,2	7.200	801	8.247,6	104,90	114,55
	- Thủy sản khác	"	25.454,6	26.000	1.126	28.450,6	111,77	109,43
2.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	11.281,5	12.700,0	1.224,5	12.040,3	106,73	94,81
	Trong đó: - Cá các loại	"	5.269,7	5.700	445	5.730,6	108,75	100,54
	- Tôm các loại	"	3.464	4.000	455	3.590	103,66	89,76
	- Sản lượng thủy sản khác	"	2.548	3.000	324	2.719	106,72	90,65

